

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP

2 LỜI TỰA 2 (BVII-BXLIV): “CUỘC CÁCH MẠNG COPERNIC”.

Sau bước “khởi đầu nan” ở Lời Tựa 1, ta bước vào đọc Lời Tựa 2 ung dung hơn như chính thái độ tự tin của Kant. Khi viết lời Tựa mới này cho lần xuất bản thứ 2 (1787), Kant đã hoàn thành quyển “Sơ luận” (Prolegomena) nói trước đây và tự thấy sáng tỏ hơn nhiều trong hàng loạt vấn đề mà ông đã bỏ công viết lại hoặc sửa chữa thêm. Nếu Lời Tựa 1 nhắm đến đối tượng độc giả quen thuộc với “lối tư duy” cũ, còn bờ ngõ trước “cách đặt lại vấn đề” của Kant, thì Lời tựa 2 là dịp để ông biện minh rõ hơn lập trường của mình, giải đáp những thắc mắc của độc giả nảy sinh trong thời gian giữa hai lần xuất bản. Lời Tựa 2, vì thế, cô đọng Tư tưởng chủ yếu của cả tác phẩm. Tư tưởng then chốt trong Lời Tựa này là điều sau này nổi danh trong lịch sử triết học: “**cuộc cách mạng Copernic về lẽ lối tư duy**”.

- 2.1 Kant muốn mang lại cho Siêu hình học “bước đi vững chắc của một khoa học” (BVII). Theo Kant, muốn là “**khoa học**” thì phải liên tục tăng tiến về kết quả nghiên cứu, không bị bế tắc đến nỗi phải thụt lùi để bắt đầu lại từ đầu. Do đó phải tiến hành có phương pháp, có mục đích và nhất là phải nhất trí với nhau về phương pháp, mục đích trước đã. Không như vậy thì chỉ là sự “mò mẫm” trong bóng tối. “**Mò mẫm**” (*Herumtappen*) là hình ảnh yêu thích khác của Kant để chỉ phương pháp của môn Siêu hình học tiền-phê phán: triết gia không biết phê phán thì chỉ có thể mò mẫm, và “tệ hại nhất, là mò mẫm giữa những khái niệm suông” (BXV). Đối lập với sự “mò mẫm” là một cuộc cải cách lớn về phương pháp, thậm chí phải là “**một cuộc cách mạng về lẽ lối tư duy**” (*Revolution der Denkart*). Cả hai khái niệm cơ bản này: “sự mò mẫm” và “cách mạng về lẽ lối tư duy” thật ra đều được Kant mượn của **Francis Bacon** (1561-1626) (*Novum Organum*, 1623), người được Kant trân trọng trích dẫn một câu để làm đề từ cho lần xuất bản thứ hai quyển “Phê phán” này. Nếu Bacon có tham vọng đưa khoa học tự nhiên từ đêm tối của sự “mò mẫm” ra ánh sáng bằng phương pháp thực nghiệm, và tự nhận mình là người đầu tiên tiến hành cuộc “**cách mạng tư duy**” (“*doctrinarum revolutionis*”, sđd: a. 78), thì Kant muốn tiếp bước để làm bùng nổ cuộc cách mạng ấy trong Siêu hình học và triết học nói chung bằng phương pháp “phê phán siêu nghiệm”. Vậy, có thể nói, **John Locke** (Lời Tựa 1) và **Francis Bacon** (Lời Tựa 2) là những bậc tiền bối được Kant trực tiếp nhắc đến như những bệ phóng cho việc kế thừa và phát triển của ông sau này.

Nhiệm vụ của “Phê phán lý tính thuần túy” là đặt nền móng cho phương pháp mới mẻ, vì vậy, nó tuy chưa thể trình bày bản thân Siêu hình học như một “khoa học”, nhưng là tiền đề cần thiết như là một “**khảo luận về phương pháp**” (BXXII) [cũng theo nghĩa như là “công cụ” – “*Organa*” của Francis Bacon!]. Điều đầu tiên là phải xét xem ba môn học được mọi người thừa nhận là “khoa học” (Lô-gíc học, toán học, và khoa học tự nhiên) đã trở thành khoa học như thế nào?

- 2.1.1 (BVIII-IX): Lô-gíc học kiểu Aristote là kiểu mẫu của một khoa học vững chắc, có đặc điểm nổi bật là không phải chịu **một bước lùi** nào. Sở dĩ như vậy là

nhờ ưu thế **ngoại lệ** của nó ở chỗ được “giới hạn rõ” và “giác tính chỉ còn phải làm việc tự mình với các mô thức của chính mình”, bởi nó chỉ nghiên cứu các quy luật **hình thức** của mọi tư duy, độc lập với đối tượng. Lô-gíc học, do đó, chỉ là “tiền sảnh” của mọi khoa học (BIX), giữ vai trò như một “âm bản” cho mọi hoạt động lý luận. (Tuy nhiên, khẳng định của Kant cho rằng lô-gíc học – đúng là không có bước lùi – nhưng cũng đã hoàn tất và không đi thêm “một bước tiến nào” nữa là điều không đúng hẳn, nếu xét sự phát triển của môn học này kể từ những công trình của **G. Frege** (1879) đến nay.

- 2.1.2 Đối với những khoa học có **đối tượng nghiên cứu** riêng, tình hình khác hẳn. Nếu trong chúng, ta không chỉ thấy toàn là nhận thức thường nghiệm, mà có mặt của “lý tính”, tức của những nhận thức **tiên nghiệm** (xem: Chú giải cho Lời dẫn nhập), câu hỏi nảy sinh ngay lập tức là: những biểu tượng tiên nghiệm ấy làm thế nào có thể quan hệ và lại quan hệ một cách đúng đắn [mang lại chân lý phổ quát và tất yếu] với đối tượng? Kant trả lời: đó là khi biểu tượng của ta **xác định** đối tượng một cách tiên nghiệm để “**nhận thức**” nó (tức trong các khoa học lý thuyết như toán học và khoa học tự nhiên) **hoặc** đó là khi biểu tượng tiên nghiệm **tác động** để biến đổi đối tượng tương ứng với biểu tượng ấy **thành hiện thực** (tức biến đổi biểu tượng về điều thiện, điều tốt thành hiện thực trong lãnh vực đạo đức). **Trong cả hai trường hợp, đối tượng sẽ không là gì cả đối với chủ thể nếu không có biểu tượng tiên nghiệm.** Ở đây, Kant chưa xét trường hợp sau (đạo đức) mà chỉ tập trung chứng minh trường hợp trước, đúc kết trong tư tưởng chủ yếu của cuộc “cách mạng” như sau: **lý tính** [hiểu theo nghĩa chung là “đầu óc” con người] **chỉ nhận thức được đối tượng bằng những gì do chính nó trước đó đã đặt vào trong đối tượng (một cách tiên nghiệm).** ý tưởng có vẻ ngược đời này có thể hiểu như thế nào? Khác với cách làm trong quyển “**Sơ luận**” là xuất phát từ sự có mặt “hiển nhiên” của những nhận thức tiên nghiệm (“những phán đoán tổng hợp tiên nghiệm”. Xem: Chú giải cho Lời dẫn nhập) ở trong toán học và khoa học tự nhiên để chứng minh khả năng của nhận thức này trong Siêu hình học; ở đây, Kant dựa vào những “sự kiện trong lịch sử phát triển của hai khoa học ấy để cho thấy cuộc “cách mạng về lẽ lối tư duy” đã diễn ra ở đó như thế nào và đặt vấn đề liệu có thể tiến hành cuộc “cách mạng” tương tự ở trong Siêu hình học hay không.
- 2.1.3 Trước hết, trong toán học. Từ thời cổ đại, người ta đã nhận ra điều này mỗi khi muốn chứng minh các mệnh đề toán học: không thể chỉ dựa vào tri giác về đối tượng mà phải “**cấu tạo**” (**Konstruieren**), nghĩa là diễn tả nó trong thực quan (chẳng hạn hình tam giác) **một cách tiên nghiệm** tương ứng với các khái niệm về nó (xem thêm: B740...). V.d: ta phải biết định lý Pythagore trước khi có thể chứng minh tam giác vuông, hay ví dụ của Kant về [giai thoại] Thalès chứng minh tam giác cân. Nói cách khác: ta chỉ biết chắc [phổ quát và tất yếu] những gì tự ta **đặt vào** trong khái niệm về đối tượng. Tuy nhiên, không phải là “đặt vào” một cách tùy tiện, nên toán học – với tư cách là một khoa học – có được là nhờ một điều kiện tương như bất khả: tiền đề chủ quan nhưng lại có giá trị khách quan.

2.1.4 Kant cũng nhận thấy mô hình tương tự trong khoa học tự nhiên. Nhờ F. Bacon đề xướng và được Galilei và Torricelli thực nghiệm, ta thấy lý tính chỉ nhận thức được tự nhiên từ những gì “bản thân lý tính tạo ra theo phác họa của chính nó”. Nhà khoa học đến với tự nhiên “không phải với tư cách một người học trò... mà với tư cách một thẩm phán buộc nhân chứng phải thành thật khai báo... (BXIV) bằng “thí nghiệm”, tức bằng cách “cô lập” những quá trình tự nhiên (“đặt vào” một câu hỏi nhất định) theo yêu cầu của mình (vd: của Kant: Galilei tìm ra luật rơi và gia tốc không phải bằng tri giác đơn giản mà bằng cách cho những viên bi có trọng lượng khác nhau trượt theo một mặt phẳng nghiêng). Tóm lại, thay vì nhận thức theo lẽ lối tư duy “tiền khoa học” (bằng tri giác, chạy theo tự nhiên), người ta đã làm cuộc “cách mạng” bằng cách “đặt vào” trong sự vật những gì người ta muốn biết về nó **một cách tiên nghiệm**. Cuộc cách mạng ấy chưa xảy ra trong Siêu hình học nên nó vẫn phải tiếp tục “mò mẫm” trong “đấu trường tranh cãi bất tận”.

Do đó, Kant đề nghị hãy thử hình dung một quan hệ mới giữa chủ thể nhận thức đối với đối tượng nói chung: “**Lâu nay, ta vẫn cho rằng nhận thức của ta phải phù hợp với đối tượng (...) nhưng đều đi đến thất bại cũng tại vì giả định này. Vậy bây giờ hãy thử nghiệm (...) bằng cách cho rằng: đối tượng phải phù hợp với nhận thức của ta. Cách làm này hứa hẹn giúp ta đạt được mục đích mong muốn là nhận thức đối tượng một cách tiên nghiệm, tức là quy định cho đối tượng một số điều trước khi đối tượng được mang lại cho ta**” (BXVII).

2.1.5 Một ví dụ đơn giản giúp ta dễ hiểu hơn. Với kiến thức ít ỏi về thiên văn học, ta dùng một kính viễn vọng nhìn lên bầu trời. Thoạt đầu chỉ thấy một vật tròn xanh nhạt có một vòng đai chung quanh rất lạ mắt. Khá hơn một chút, ta biết hình tròn ấy là một ngôi sao, rồi dần dần ta nhận ra đó là một hành tinh với tên gọi Sao Thổ. Nhà thiên văn tài giỏi phát hiện ra Sao Thổ lần kể “nghiệp dư” như ta đều giống nhau ở chỗ: các khái niệm: ngôi sao, hành tinh, hình tròn, vòng đai, Sao Thổ... đều là những “sản phẩm” của đầu óc con người! Và xin nhớ: sao Thổ đã biến đổi dần dần trong **quá trình nhận thức** của ta và **hướng theo** đầu óc ta như Kant nói, song **tự thân** Sao Thổ không hề biến đổi gì cả.

Chữ “**tự thân**” xuất hiện có vẻ ngẫu nhiên, nhưng thật ra ta đã chạm đến giây thần kinh trung tâm của triết học Kant: đó là khái niệm về “**vật tự thân**” (**Ding an sich**) và sự phân biệt giữa “vật-tự thân” với “**hiện tượng**” (**Erscheinung**). Giống như ta không thể biết gì về “Sao Thổ tự-thân” (theo Kant, kể cả khi ta đổ bộ lên Sao Thổ và nghiên cứu cận kề về nó), ta cũng không thể biết gì về “tự thân” của mọi sự vật khác, vì chúng nằm ngoài giác quan lẫn trí óc của ta. Vậy, theo Kant, ta chỉ có thể phát biểu về sự vật những gì do chính đầu óc ta “sản xuất ra”, hoặc theo cách nói của ông: **những gì do giác tính mang lại cho ta như là hiện tượng**. Câu then chốt ở đây là: “cho rằng các đối tượng – hay dùng một từ đồng nghĩa: **kinh nghiệm**, trong đó các đối tượng được mang lại cho ta và được nhận thức – **phải phù hợp với các khái niệm của ta**”... (BXVIII).

ý nghĩa của “cách mạng về lẽ lối tư duy” trở nên khá sáng tỏ: chạy theo tìm hiểu “vật-tự thân” là cái về nguyên tắc con người không thể biết được, lý tính sẽ rơi vào “tối tăm mù mịt, đầy rẫy mâu thuẫn. Nếu thay vào đó, ta làm việc **với hiện tượng – hay kinh nghiệm – là cái trở thành đối tượng nhận thức cho ta, nguy cơ trên sẽ không còn nữa**. Bởi lẽ, kinh nghiệm là một bộ phận của giác tính của ta. Ta có thuận lợi là sẽ chỉ làm việc với những gì ta nắm chắc: **với kinh nghiệm của chính ta**.

Nói cách khác, nếu hỏi Siêu hình học có thể thực hiện cuộc cách mạng tư duy như trong toán học và khoa học tự nhiên hay không, thì theo Kant, điều ấy có thể (và chỉ có thể) diễn ra trong trường hợp những đối tượng của trực quan đều là **những hiện tượng** chứ không phải là những **vật-tự thân**, bởi chỉ như thế, trong quan hệ với đối tượng, giác tính mới “**đặt vào**” được những khái niệm tiên nghiệm của mình, để từ những **hiện tượng** (tức là: những biểu tượng, “những biến thái của tâm thức” (Modifikationen des Gemüts)) có thể hình thành nên “**kinh nghiệm**”. Chỉ trong trường hợp đó, tức khi đối tượng phải “**hướng theo**” nhận thức của ta, chứ không phải ngược lại, một nhận thức “**tiên nghiệm**” – tạo nên tính đối tượng (Gegenständlichkeit) – mới có thể **có được** về nguyên tắc. Nhiệm vụ của những chương tiếp theo (trong hai phần: “**Cảm năng học siêu nghiệm**” và “**Phân tích pháp siêu nghiệm**”) là chứng minh cho “**giả thuyết**” này.

- 2.1.6 Kant so sánh rất ấn tượng “cách mạng tư duy” của mình với lối giải thích mới của Copernic về sự vận động của các thiên thể, nên nổi danh trong lịch sử như là “cuộc cách mạng Copernic về triết học” (mặc dù chính Kant không hề dùng chữ này!). Có lẽ với Kant, điều đáng chú ý nơi Copernic không chủ yếu ở chỗ ông này bác bỏ các thuyết thiên văn trước đó, mà là ở chỗ vượt bỏ quan điểm của ý thức tự nhiên thông thường (Mặt trời quay chung quanh người quan sát theo thuyết địa tâm) để đảo ngược nhận định lại (thuyết nhật tâm). (Tất nhiên không so sánh Kant và Copernic theo nghĩa đen, theo đó quả đất quay chung quanh mặt trời giống như chủ thể nhận thức phải “**hướng theo**” đối tượng. Kant muốn nói điều ngược lại, do đó chỉ là so sánh về tinh thần thôi). Và chẳng, ta đều biết Copernic không thực sự tiến hành “cách mạng” về tư duy và về phương pháp như Thalès hay Galilei, mà chỉ thay đổi “**mô hình**” (Modell) giải thích để hiểu những hiện tượng tự nhiên, do đó, về sau Kant không trở lại với Copernic nữa, ngoại trừ một lần ngay sau đó, Kant “**mượn**” Copernic (và Newton) như là ví dụ để minh họa phương cách chứng minh cho “**giả thuyết**” của chính ông. Điểm cốt yếu theo Kant là phải thoát ra khỏi viễn tượng hạn hẹp và ngây thơ của ý thức tự nhiên, tưởng có thể nhận thức sự vật như nó thật sự là, nơi bản thân nó. Để đạt được nhận thức khách quan, nhất là tính phổ quát và tất yếu xứng danh với tên gọi “**khoa học**”, theo Kant, ta không thể trông chờ vào đối tượng như ta tưởng, trái lại, phải nhờ vào chủ thể nhận thức. (Cần chú ý: Kant không muốn nói rằng nhận thức khách quan tùy thuộc vào cấu tạo **thường nghiệm** của chủ thể như cấu trúc của bộ não, của đặc điểm nhân chủng hay hoàn cảnh xã hội. Vấn đề của Kant là nghiên cứu các điều kiện khả thể của nhận thức khách quan độc lập với kinh nghiệm, có sẵn trong chủ thể nhận thức một cách “**tiên-thường nghiệm**”) (xem: B168 và Lời dẫn nhập). Trong tình

thần đó, ông muốn đặt cơ sở cho **thể đứng mới mẽ của chủ thể đối với tính khách quan**.

Nói theo ngôn ngữ chặt chẽ của Kant, ta có thể đúc kết như sau: cách mạng về lẽ lối tư duy (“cách mạng Copernic”) cho rằng những đối tượng của nhận thức khách quan không tự xuất hiện ra mà phải do chủ thể (siêu nghiệm chứ không phải thường nghiệm) mang lại cho ta như là **hiện tượng**. Vì thế, chúng không còn là những sự vật tồn tại tự thân mà chỉ với tư cách là những hiện tượng. Và bởi lẽ cơ sở của tính khách quan đã thay đổi và lý luận về đối tượng – tức Bản thể học – phụ thuộc vào lý luận về chủ thể nên không thể duy trì một môn Bản thể học (Ontologie) độc lập được nữa (xem B303). Nói cách khác, điều cốt lõi của “Phê phán lý tính thuần túy” là sự đan cài chặt chẽ của cả hai mặt: lý luận triết học về cái tồn tại, tức về đối tượng khách quan chỉ có thể là lý luận nhận thức về cái tồn tại; còn lý luận nhận thức là sự xác định quan niệm về đối tượng khách quan.

2.1.7 Ở đây chưa phải là lúc tìm hiểu sâu hơn về sự phân biệt rất quan trọng giữa **“hiện tượng và vật-tự thân”**; những từ không dễ hiểu và rất dễ gây hiểu lầm. (Kant dành hẳn một chương để bàn kỹ về vấn đề này. Xem chương III, phần Phân tích pháp các nguyên tắc. B295-B315). Chỉ xin nhắc qua và sẽ trở lại tìm hiểu kỹ hơn ở phần liên quan về điểm chính yếu sau: “Vật-tự thân” – theo cách hiểu của Kant – chỉ là một khái niệm **có tính phương pháp**, chứ **không phải** là một khái niệm **siêu hình học** theo nghĩa “có” một cái gì “ở đằng sau” thế giới hiện tượng như là thế giới “chân thực” có tính bản chất mà ta không thể nhận thức được, còn hiện tượng chỉ là “vô ngoài” hời hợt, chỉ là “ảo tượng” (Schein). “Vật-tự thân” chỉ là khái niệm thiết yếu phải có để hiểu khả thể của kinh nghiệm mà thôi. (Xem thêm các mục 8.1.6 và 9.6.2 của Chú giải).

2.2 ý thức về sự khó hiểu lẫn dễ hiểu làm đối với sự phân biệt nền tảng này của toàn bộ hệ thống tư tưởng của mình, Kant dành rất nhiều trang trong Lời Tựa 2 (BXVIII-BXXXV) để biện giải về sự cần thiết và phương pháp sẽ sử dụng để chứng minh sự phân biệt này, đồng thời tự bảo vệ trước những ngộ nhận, thậm chí lên án của một bộ phận dư luận trong thời gian giữa hai lần xuất bản. Phần này hơi khó đọc vì Kant viện dẫn đến cả những kết quả đã đạt được **nhờ dựa vào sự phân biệt này** trong lãnh vực nghiên cứu về đạo đức. (Ta nhớ rằng, hai năm trước đó, 1785, Kant đã hoàn thành quyển **“Đặt cơ sở cho Siêu hình học về đức lý”**, và một năm sau, 1788, ông cho ra mắt **“Phê phán lý tính thực hành”**, tất cả đều đặt cơ sở trên sự phân biệt giữa “hiện tượng” và “vật-tự thân”). Để phần chú giải dẫn nhập này không quá dài, chỉ xin ghi nhận hai điểm vắn tắt:

2.2.1 **Về phương pháp chứng minh:** Tương tự như mô hình mới (chưa được chứng minh) của Copernic mở đường cho Newton phát hiện luật hấp dẫn, rồi chính phát hiện này của Newton chứng minh ngược lại cho sự “xác tín hiển nhiên” của giả thuyết Copernic, Kant cho rằng chính **“thử nghiệm của lý tính”** khi phát hiện những “nghịch lý” (Antinomien) trong phần “Biện chứng pháp siêu nghiệm” (vì hiểu đối tượng như là “vật-tự thân”), rồi việc giải quyết chúng sẽ chứng minh ngược lại cho sự “cần thiết và đúng đắn” phải phân

biệt giữa “hiện tượng và vật-tự thân” trong hai phần trước là Cảm năng học và Phân tích pháp siêu nghiệm.

2.2.2 Trước sự ngộ nhận, thậm chí lên án của nhiều người đọc khi cho rằng sự phê phán siêu hình học cổ truyền của Kant chỉ mang lại hậu quả **tai hại** cho đạo đức và tôn giáo (chẳng hạn **Moses Mendelsohn** gọi Kant là “kẻ phá hủy tất cả” và đại học Marburg bị sắc lệnh của nhà nước năm 1786 cấm tuyệt đối không được giảng dạy triết học Kant!), Kant biện chính rằng:

- Chính nhờ sự giới hạn phạm vi của “lý tính lý thuyết” trong lãnh vực kinh nghiệm mới dành chỗ trống để “được lấp đầy bằng các dữ kiện thực hành” (đạo đức). Những “dữ kiện thực hành” (ý nói những quy luật của “tự do”, tức của ý chí đạo đức) ắt sẽ không thể được phát hiện đúng đắn (như Newton ắt đã không thể phát hiện luật hấp dẫn) nếu không có cuộc “cách mạng về lẽ lối tư duy” trước đó. Và đây chính là đóng góp **tích cực**, bổ ích của công cuộc phê phán.
- Vấn đề đạo đức không thể đặt ra nếu không lấy “tự do” (ý chí) làm tiền giả định. Nhưng “tự do” sẽ không thể “cứu vãn” nếu không biết “nhìn đối tượng theo hai tầng ý nghĩa”: con người – với tư cách là “hiện tượng” – là không tự do (phục tùng quy luật tất yếu của tự nhiên), vừa – với tư cách là “vật-tự thân” – là tự do. Đây là lãnh vực mà Kant cho rằng: “Tôi phải dẹp bỏ **tri thức** đi để dành chỗ cho **“lòng tin”** (BXXX). “Lòng tin” ở đây là lòng tin của lý tính thực hành, biến những đối tượng “bất khả” của lý tính lý thuyết (Thượng đế, tự do, bất tử) thành những “định đề của lý tính thực hành”. (Xem: “Phê phán lý tính thực hành”, 1788).
- Tóm lại, cái bị sự “Phê phán” phá hủy không phải là đạo đức mà chính là sự độc tôn của những “thuyết giáo điều” không có cơ sở. Lần đầu tiên, nhờ xác định về nguyên tắc phạm vi và ranh giới của nhận thức lý thuyết, cơ sở của đạo đức mới được thiết lập vững chắc. (Ta thấy một bước tiến mới giữa hai lần xuất bản: năm 1781, Kant hoàn toàn chưa nói về sự phê phán “lý tính thực hành”).

2.2.3 Tác phẩm “Phê phán” này thực chất làm công việc kiểm nghiệm “giả thuyết” trên đây bằng hai bước:

Bước 1:

- “**Cảm năng học siêu nghiệm**” sẽ kiểm nghiệm và chứng minh những điều kiện **tiên nghiệm** của trực quan và cảm năng, cơ sở triết học cho toán học.
- “**Phân tích pháp siêu nghiệm**” sẽ kiểm nghiệm và chứng minh những điều kiện **tiên nghiệm** của giác tính, cơ sở triết học cho khoa học tự nhiên.

Bước 2:

- “**Biện chứng pháp siêu nghiệm**” sẽ chứng minh rằng theo “lối tư duy cũ”, Siêu hình học sẽ rơi vào bế tắc không lối thoát; còn nếu theo “lối

tư duy mới”, các mâu thuẫn, nghịch lý (Antinomien) sẽ được giải quyết ổn thỏa và lý tính sẽ “làm hòa” với chính mình để mở ra viễn tượng bao la của lãnh vực lý tính thực hành.

Kant đặt vấn đề như một giả thuyết, nhưng khi đi vào trình bày, ông xem nó như tiền đề đã được khẳng định, chỉ cần chứng minh.